TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2018
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;
2. Ông Huỳnh Văn Sen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Bé B, sinh năm 1991 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà X ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1989 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà Y ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 (BL 01), Biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2018 (BL 22) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Huỳnh Bé B trình bày:

Năm 2013, chị B kết hôn với anh Nguyễn Hoàng M và được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cuối năm 2013, chị B và anh M đều trở về sống với cha mẹ ruột của mình, vợ chồng không còn sống chung.

Quá trình chung sống, chị B với anh M đã có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải L (Nam), sinh ngày 22/01/2014. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không còn sống chung do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc nữa. Tháng 10/2015, chị B đã khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện; tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không khắc phục được. Nay, chị B tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

Về con chung: Do cháu L đã liên tục sống cùng mẹ, chị B có nghề may mặc, thu nhập trên 4 triệu đồng/tháng đảm bảo cuộc sống nên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị B giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai sinh của cháu L (BL 02 đến 10).

- Đối với bị đơn Nguyễn Hoàng M: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị B nhưng anh M không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Anh M vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/4/2018, ngày 16/4/2018; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên và việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh M, sau đó đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 13/7/2018, bị đơn M vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của chị Huỳnh Bé B (BL 22); Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của các đương sự (BL 30).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Huỳnh Bé B ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M; giao cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh M không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Bé B khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M và giải quyết quyền nuôi con chung. Yêu cầu này của chị B được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Hoàng M đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn của chị B với anh M, Trích lục khai sinh của cháu L cũng như việc không phản đối của anh M và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị B về việc kết hôn với anh M, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2014 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị B và anh M đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó nên chị B yêu cầu ly hôn với anh M. Mặc dù Tòa án đã 02 lần mở phiên họp, hòa giải để xem xét nguyện vọng, phân tích, động viên cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh M đều vắng mặt. Như vậy, cùng với việc không phản đối yêu cầu ly hôn của chị B đã chứng tỏ anh M không có nguyện vọng đoàn tụ; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dù cùng sinh sống tại xã H; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình nên chị Huỳnh Bé B với anh Nguyễn Hoàng M đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân của chị B với anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị B ly hôn với anh M.

- Tại thời điểm xét xử vụ án, cháu Nguyễn Hải L chưa được 07 tuổi, đã sống với chị B liên tục từ khi mới sinh đến nay; Ủy ban nhân dân xã H khẳng định cháu L phát triển bình thường như những trẻ em khác cùng trang lứa, chính quyền địa phương không nhận được bất cứ yêu cầu nào liên quan đến việc hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc cháu L (BL 30). Như vậy, chị B đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình; về phía anh M, từ gần 05 năm nay đã không có sự quan tâm, chăm lo cho cháu L đạt mức cần thiết nên anh M đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật vừa viện dẫn trên. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường sống, học tập của cháu L thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng con chung; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

- Nguyên đơn B tiếp tục khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Bé B được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Huỳnh Bé B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải L (Nam), sinh ngày 22/01/2014.

Trong thời gian chị B nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị B, anh Nguyễn Hoàng M không phải cấp dưỡng cho con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu L, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ và hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Bé B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0000792 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Huỳnh Bé B có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Nguyễn Hoàng M có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG